

PHẨM THỨ HAI: PHƯƠNG TIỆN

Từ đây trở xuống tức là phần Chánh tông của kinh. Phần Tựa ở trên đã nói xong. Kế đến, biện rõ phần Chánh tông bao gồm tên phẩm, là ý của nhà soạn kinh lập ra, hay cũng có khả năng truyền thuật lại Thánh chỉ của Phật chứ không tự làm. Nếu theo lý mà lập tên thì nên nói đây là “phẩm Thật tướng” chứ không nên nói là “phẩm Phương tiện”. Chỉ vì, phần kinh này chính hiển bày giáo nghĩa của ba thừa xưa là “phương tiện”. Phương tiện là chỉ cho ba thừa giáo thích hợp với thời xưa, vốn là thật giáo không gọi là “phương tiện”. Nhưng nay đã nói lên lý thật tướng nhất thừa tức là so sánh làm rõ ba thừa xưa là phương tiện. Cho nên kinh văn dưới nói “kinh này khai mở cửa phương tiện để hiển thị tướng chơn thật”. Đây tức là nói tướng chơn thật của nhân quả ngày nay, tức hiển bày nhân quả xưa kia chẳng phải là chơn thật. Nay phẩm này, căn cứ vào chỗ hiển thị mà đặt tên nên gọi là “phương tiện”.

Phương tiện nghĩa là khả năng khéo léo. Đức Như Lai dùng phương tiện trí thuyết giáo, giáo gọi là môn (cửa). Thật tướng tức là lý mà Như Lai dùng thật trí nói. Nhân vì nói lý mà gọi là thật tướng. Vì chưa nói lý thật tướng hiện nay nên nghĩa môn phương tiện bị đóng lại, đã nói lý thật tướng hiện nay thì nghĩa môn phương tiện được mở ra. Phẩm này tức có hai nghĩa:

1. Nói rõ tướng chân thật hiện nay.
2. Hiển bày phương tiện khi xưa.

Hỏi: Ngày nay phải là lúc đóng cửa phương tiện. Vì sao biết được? Nay gom ba thừa đồng quy về một thừa đều là chơn thật vậy tại sao nói có cửa phương tiện có thể đóng lại? Đáp: Điều này không phải như vậy. Ý không phải như vậy. Nay dẫn thí dụ bên ngoài để làm rõ nghĩa. Như có cánh cửa bằng ván, ban đầu cửa ván ấy đóng lại mà không mở ra nên mọi người chỉ biết có cái cửa này. Do đó, không biết bên trong cánh cửa có tượng vàng ròng tốt đẹp. Nhưng nếu người này dùng tay mở cửa ấy ra thì khi cửa mở mọi người đều thấy rõ tượng vàng thật bên trong. Vậy bàn tay mở cửa ấy có hai công năng: 1. Có thể mở cửa; 2. Có khả năng chỉ cho người thấy tượng vàng chân thật.

Nay kinh Pháp Hoa này cũng giống như bàn tay có hai công năng:

1. Nói lên giáo nghĩa ba thừa xưa là phương tiện như bàn tay có khả năng mở cửa cho nên kinh văn nói: Phật dùng sức phương tiện chỉ bày giáo ba thừa; 2. Nay nói lý lâu xa. Cho nên văn kinh dưới nói “pháp lâu xa của Thế Tôn, sau chủ yếu sẽ nói chân thật”, nhằm nêu rõ lý đồng

quy và thọ mạng lâu dài tức như bàn tay chỉ ra cho mọi người thấy tượng bằng vàng thật.

Môn là thông suốt người ra, vào làm khả năng. Ba thừa giáo xưa xa thông suốt cả người thực hiện. Nay được hiểu rõ nhất thừa tức là nghĩa theo môn mà đi vào. Do có giáo xưa là phương tiện mà được hiển bày sự chân thật này. Đây tức là nghĩa từ môn mà nêu ra. Do đó biết phẩm này từ chỗ biểu hiện mà đặt tên nên gọi là “phẩm Phương tiện”. Tuy nhiên, phẩm này ban đầu chính là nói rõ nhân khen ngợi hai trí mà phảng phất giống như khai tông. Cho nên nay tạm lược thuật hai trí gồm có năm tầng:

1. Giải thích danh nghĩa
2. Nói rõ thể tướng
3. Danh nghĩa chung và riêng
4. Công dụng hưng và phế
5. Kết hợp năm thời kinh để nói rõ sự bất đồng.

Thứ nhất giải thích danh nghĩa của hai trí là thật trí và phương tiện trí. Tuy nhiên, thật trí có hai tên gọi. 1. Thật trí; 2. Trí tuệ. Phương tiện trí cũng có hai tên gọi: 1. Phương tiện trí; 2. Quyền trí. Nói phương tiện lại có người giải thích rằng: Phương là gọi chính phương sở ấy, tiện là nói khéo léo. Tức thời có nhà soạn kinh cho rằng không đúng mà, chính nói lên hai chữ này chỉ là một câu. Phương tiện tức là khả năng khéo léo. Điều này nói rõ trí của thánh như có công dụng khéo léo cho nên mới gọi là phương tiện. Lại cho rằng: phương là chính đáng còn tiện là khéo léo. Quyền là sự giả tạo tạm thời, chẳng phải nghĩa lâu dài. Tuy nhiên, phương tiện trí này và quyền trí đều nhận lấy tên gọi không đồng nhau. Nay nói trí phương tiện là hợp với thể mà thọ nhận tên tức nói rõ trí của thánh nhân có khả năng khéo léo. Quyền trí là theo cảnh mà được gọi tên. Tại sao biết? Vì chính nói rõ cảnh quyền biến ở trước mượn cảnh của ba thừa xưa v.v... mà trong phút chốc chuyển thành nhất thừa. Cho nên quyền biến giả tạo không thật nhưng trí chiếu soi cảnh quyền giả này, nay nêu lên cảnh để gọi trí cho nên gọi là Quyền trí. Lại nữa, phương tiện trí này và quyền trí nếu xét trên phương diện nghĩa thì chúng hỗ tương nhau mà thành tựu. Nếu nêu lên cảnh quyền tức có thể hiển bày bậc Thánh có khả năng khéo léo. Nếu nêu lên trí khéo léo tức hiển bày thành tựu cảnh quyền biến giả tạo. Rõ ràng chỉ là một trí nhưng chỗ nêu ra của kinh, luận bao gồm có hai tên gọi.

Lại nữa, trí tuệ và thật trí cũng có tên gọi bất đồng nhau. Trí tuệ là hợp với thể mà nhận tên gọi. Thật trí là căn cứ vào cảnh mà gọi tên. Nói

trí tuệ hợp với thể để gọi tên tức vốn tâm này dùng căn bản tánh làm gương chiếu soi nhân quả thông suốt cả vạn hữu. Vì sao biết được điều đó? Ví như khi tâm kim cương thì trí tuệ này chiếu soi thông suốt cảnh. Nếu khiến kim cương chuyển thành trí tuệ tự nhiên biến hóa của Phật quả thì trí tuệ cũng mang nghĩa “gương chiếu soi”. Do đó biết được, trí tuệ dựa vào đương thể căn bản mà gọi tên. Lại nữa, nói thật trí theo cảnh mà gọi tên nghĩa là cảnh trước là thật. Lấy gì biết được? Vì nay, lý nhân quả nhất thừa là cảnh quyết định chân thật khắp vạn hữu. Sáu tâm trở lại tuy còn thối chuyển làm nhị thừa nhưng chẳng phải mãi mãi thối chuyển. Do hội tụ ba thừa trở về nhất thừa cho nên gọi là thật. Trí tuệ của Như Lai chiếu soi cảnh thật này nên nay nêu lên cảnh đặt tên trí, gọi luôn là thật trí. Do vậy biết được thật trí dựa vào cảnh mà gọi tên. Lại nữa, trí tuệ và thật trí này cả hai tên gọi ấy cũng nương tựa nhau mà hình thành. Lấy gì để biết? Nếu đơn cử thật trí tức được hiển bày trí tuệ. Chính vì cảnh là chân thật nên được hiển bày trí tuệ chiếu soi. Nếu gọi trí tuệ thì lại được hiển bày tên thật trí chỉ vì khả năng của ta chiếu soi nên được hiển bày cảnh chân thật. Do vậy biết được hai tên gọi này hỗ tương nhau mà hình thành. Lại nữa bốn tên gọi này trước sau đều ở mức tương đối. Vì sao? Vì trước nói phương tiện trí nương vào đương thể mà lập tên và nay nói trí tuệ cũng dựa vào đương thể mà gọi tên; trước nói quyền trí nương theo cảnh mà gọi tên và nay thật trí này cũng nương vào cảnh mà lập tên; trước nói hai nghĩa quyền trí và phương tiện trí nương tựa nhau mà hình thành và nay nói hai thứ trí tuệ và thật trí này cũng nương tựa nhau mà hình thành. Tuy bốn tên gọi ở mức tương đối nhưng đều song song hiển bày hai trí.

Thứ hai nói rõ thể tướng của trí. Nếu luận về thể của hai trí tức là trong quả báo thần lực có công dụng chiếu soi cảnh làm thể. Nếu muốn biết thể tướng của trí chỉ dùng cảnh chiêm nghiệm thì hiểu được thể của hai trí. Cảnh của phương tiện trí đã chiếu bao gồm có ba cảnh của ba loại: 1. Ba giáo; 2. Ba căn cơ; 3. Ba hạng người. Trí chiếu soi ba cảnh của ba loại này nên biết là thể của Quyền trí. Thuở xưa có ba người, người lại có ba hạng người, người có ba căn cơ, ba căn cơ chiêu cảm thành ba cho nên quyền trí của Như Lai đã chiếu soi thông suốt vào ba cảnh của ba loại ấy, tức là Như Lai thuyết về ba giáo ứng với ba căn cơ để hóa độ ba người. Vì vậy đem ba cảnh của ba loại để kiểm nghiệm hiểu được trí này. Phải biết trí chiếu soi ba cảnh của ba loại này chính là thể của phương tiện trí.

Lại nữa, thể của thật trí cũng dùng cảnh trước (tiền cảnh) để chiêm

nghiệm. Cảnh, của thật trí đã chiếu soi gồm có bốn loại: 1. Giáo nhất; 2. Lý nhất; 3. Cơ nhất; 4. Nhân nhất. Nói rõ trí của Như Lai chiếu soi cảnh của bốn thứ nhất, đây tức là thật trí. Trên nói giáo nhất và lý nhất nghĩa là ngày nay đề xướng từ nhân không có khác, hướng đến quả không có riêng biệt, nghĩa chân thật hiển nhiên, lý đó không có hai. Lý sở thuyên hiển nhiên đã là nhất thì giáo năng thuyên đâu chấp nhận là hai! Lại nói cơ nhất tức ở hội Pháp Hoa, đại chúng lúc ấy là có căn cơ đồng nhất chiêu cảm một quả Phật thừa. Nói nhân nhất (người nhất) là nói rõ thuở xưa có Thanh-văn, Duyên-giác v. v... nhưng nay đều cải đổi tâm trở thành Bồ-tát. Kinh văn dưới nói “chỉ giáo hóa các Bồ-tát chứ không giáo hóa đệ tử Thanh-văn”. Cũng có thể nói một người có một căn cơ cảm nhận một giáo và một lý. Như Lai dùng một giáo để nói một lý ứng hợp với một căn cơ để giáo hóa một hạng người. do đó, trí tuệ của Như Lai chiếu soi cảnh của bốn nhất này tức là thể của thật trí.

Hỏi: Cảnh chiếu của thật trí là có bốn nhất, tức là tăng thêm có lý nhất. Vì cảnh chiếu của quyền trí là có ba trong bốn nhất. Vậy nay cơ gì quyền trí không có ba lý mà chỉ nói có ba cảnh của ba thứ?

Đáp: Xưa kia nếu có ba lý bèn trở thành là thật có ba, thì đâu nói là “chỉ có một Phật thừa mà phương tiện nói thành ba”! Cho nên biết giáo xưa không có ba lý. Kinh văn dưới nói “chỉ dùng danh từ giả để dẫn dắt chúng sanh”. Nếu nói ba giáo bên dưới thật có ba lý tức trở thành nói dùng danh tự thật để dẫn dắt chúng sanh và đâu thể nói chỉ dùng danh tự giả vậy!

Hỏi: Ba giáo vốn nói rõ lý. Nếu ba giáo dưới không có ba lý thì giáo này rốt cùng nói rõ gì? Nếu không có sở thuyên ba lý thì cũng nên không có ba giáo năng thuyên?

Đáp: Vì thích ứng chúng sanh thực có ba cơ, nên xưa có ba giáo; thực ra không có ba lý chỉ vì ba giáo xưa để nói rõ một lý. Nhưng ngày xưa vì chưa quyết định nói lý của một chân thật, nên tạm ở ba thừa nói giáo xa với ngày nay nói lý của một chân thật. Chỉ vì ngày xưa nói một nhân làm ba nhân, thực ra đó chỉ là một nhân. Cho nên văn kinh dưới nói “sự thực hành của các ông là đạo Bồ-tát cho nên biết không có ba lý mà chỉ có ba giáo”. Nghĩa là trước nói rõ quyền trí tức là mở cửa phương tiện. Sau nói rõ thật trí là chỉ ra tướng chơn thật.

Thứ ba, nói rõ danh nghĩa hai trí có thông và biệt (tổng quát và riêng biệt). Phương tiện trí tức là có nghĩa Trí tuệ. Phương tiện trí này tức có nghĩa của Thật trí và Thật trí tức có có nghĩa của phương tiện trí. Lấy gì để biết được điều đó? Trí tuệ vốn lấy sự chiếu soi làm nghĩa.

Tuy nhiên, phương tiện trí nếu không thấu suốt căn tánh của người trong ba thừa thì sao có thể thuyết pháp để giáo hóa chúng sanh! Do đó biết được phương tiện trí nêu lên thể tức sự chiếu soi cũng chính là nghĩa của trí tuệ. Phương tiện trí này cũng chính là nghĩa thật trí là sao? Nghĩa là thật trí vốn lấy nghĩa xác thật không hư vọng. Phương tiện trí này của ta cũng chính là thật có. Đã là thật có phương tiện trí tức là nghĩa thật. Lại nói Thật trí tức là phương tiện trí, nhưng phương tiện lấy sự khéo léo (thiện xảo) làm nghĩa. Thật trí này nói về lý một nhân và một quả cho nên nói “lý sâu xa huyền diệu này khắp thiên hạ khó mà biết được”. Văn kinh dưới nói “ca ngợi thật trí là nói lên trí tuệ sâu xa vô lượng của chư Phật”. Một nhân một quả này là cảnh chiếu soi của thật trí. Cảnh này mênh mông không có bờ bến, sâu xa không có giới hạn và cũng không thể bàn luận tức là lý thâm sâu rộng lớn khó mà biết được. Tuy nhiên thật trí có thể chiếu soi thấy rõ cảnh ấy chính là nghĩa khéo léo, cũng chính là phương tiện.

Hỏi: Nếu như vậy, tuy có hai trí mà liền nay khiến cho tự nhiên không có phân ra chằng?

Đáp: Nay gượng tạm lập tên có riêng hay chung và nói “phương tiện và trí tuệ”. Riêng biệt là vì chánh lý dễ biết mà nghĩa khúc mắc khó có thể thông suốt được. Như người thợ mộc khéo léo dùng búa rìu để đẽo cây. Nếu khiến cho cây ấy trở nên tròn trịa, thẳng thẳng thì dễ làm, tức người thợ mộc ấy chỉ cần dùng búa rìu đẽo theo đường mộc đã vạch sẵn trên cây gỗ. Nhưng đẽo cây gỗ ấy trở thành một thứ đồ dùng như ống quyển đựng sách hoặc vật gì đó thì thật khó chưa biết người này có phương pháp gì mà cuối cùng có thể tạo thành một thứ đồ dùng tốt thì mới biết rõ khả năng khéo léo của người này. Nay phương tiện trí cũng như vậy, cảnh trước giả hiện quanh co chẳng phải là đạo lý chơn chánh của thiên hạ. Nhưng phương tiện trí này có khả năng uyển chuyển chiếu rõ căn cơ của chúng sanh để khéo nói ra ba thừa giáo ứng hợp với tình huống quanh co kia nên mới thấy rõ khả năng khéo léo của trí này. Nghĩa khéo léo này tức là nghĩa ẩn của trí tuệ.

Lại nữa, nghĩa thật trí mạnh mẽ còn nghĩa của quyền trí yếu ớt tức là nay nói một giáo, một lý, một căn và một người. cảnh trong bốn thứ này đã là lý chơn thật thì trí của Như Lai gọi là chơn thật chiếu soi không có nghĩa quanh co. Đây tức là nghĩa thật trí được hiển bày và nghĩa khéo léo bị ẩn khuất.

Lại nữa, thật trí chiếu soi lý thật giáo cũng là thật, nhưng sự chiếu soi của quyền trí chỉ có ba thừa giáo mà không có ba lý của ba thừa.

Nghĩa là chỗ chiếu soi của quyền trí chỉ có một thật và nghĩa thật trí không rõ rệt, nhưng chỗ chiếu soi của thật trí có giáo thật và lý thật cho nên nghĩa thật trí được hiển bày. Đây chính hổ tương làm mất một sở đoan mà cùng nên lên một thứ sở trường.

Thứ tư, nói rõ công dụng của hai trí có sự hưng khởi và phế bỏ, Quyền trí thuở xưa hưng khởi mà nay phế bỏ; thật trí nay hưng khởi còn xưa phế bỏ. Vì sao biết được điều đó? Vì thuở xưa ở tại vườn Lộc uyển thuyết giáo riêng biệt của ba thừa, lúc ấy chỉ là công dụng của quyền trí mà phế bỏ thật trí. Nay ở tại Vương thành nói rõ lý thật tướng một nhân và một quả, tức là thật trí hưng khởi ở ngày nay, và quyền trí bị phế bỏ ở ngày nay. Tuy nhiên hai thứ ấy cùng hổ tương nhau mà hưng khởi và phế bỏ. Điều này chính là công dụng khéo léo để giáo hóa chúng sanh nên mới có sự hưng khởi và phế bỏ nay.

Hỏi: Chúng giác và vạn đức của Như Lai thường thâm sâu nhưng nay nói hai trí có hưng khởi và phế bỏ thì chẳng phải chỉ chúng giác không có sự sáng suốt mà cũng thiếu sót sự chiếu soi thường hằng và thâm sâu?

Đáp: Vạn đức thường hằng và thâm sâu biểu hiện ra nơi cách nói của Như Lai. Nhưng nay nói có sự hưng khởi và bỏ đi là căn cứ và công dụng khéo léo hóa độ chúng sanh mà đàm luận. Chúng sanh trong hàng Tiểu thừa xưa kia có tâm lượng hạ liệt hẹp hòi nên không thể kham nhận nghe nói về thật tướng. Do vậy, lúc ấy mới dùng quyền trí để nói ba thừa giáo ứng hợp với ba thứ căn cơ. Thật trí lúc bấy giờ không có nghĩa của công năng hóa độ nên gọi là phế tức bỏ đi. Hôm nay, đại chúng có thể kham nhận nghe lý thật tướng nên thật trí mới thuyết “đây là một lý, kia là một căn cơ”. Nên, hiện tại quyền trí không có công năng hóa độ mà mang nghĩa “phế bỏ”. Nếu căn cứ trí của ba thừa đạt được của Như Lai tức là thiên nhãn chiếu rõ căn cơ của Đại thừa trong đời vị lai. Đây tức là công dụng của thật trí. Lại nữa, Túc mạng trí chiếu soi rõ đời quá khứ gồm cả căn cơ của ba thừa tức là công dụng của quyền trí. Nếu đã như vậy thì làm gì có sự hưng khởi và phế bỏ! Lại căn cứ nói đến sự phân thân khắp mười phương để thuyết pháp độ người của Như Lai, nếu chỉ ở tại Vương thành dùng thật trí thuyết pháp để hóa độ chúng sanh thì cũng có thể dùng quyền trí đi khắp mười phương để giáo hóa người và là cũng có thể ở trong cõi nước này dùng quyền trí độ người và thật trí thuyết pháp khắp mười phương. Đây chính là căn cứ vào sự đàm luận về ba sự đạt được trí của Như Lai mà nói rộng khắp mười phương. Nên biết hai trí quyền và thật vốn không có sự hưng khởi

và phế bỏ. Tuy nhiên nay căn cứ vào một sự ứng hiện trước sau làm nghĩa cho nên mới có sự hưng khởi và phế bỏ này.

Thứ năm nói rõ sự trình bày về hai trí này của các kinh có sự bất đồng. Quan điểm bất đồng của các kinh khi bàn về hai trí bao gồm có năm loại:

1. Mười hai năm trước giáo hữu tướng nói về hai trí rằng: Nếu chiếu soi rõ phân đoạn sanh, lão, bệnh, tử và cảnh vô thường thì gọi là quyền trí. Nếu chiếu soi rõ sát na vô thường thì gọi là thật trí.

2. Sự phân định rõ hai trí này trong kinh Đại Phẩm: Nếu chiếu soi nhân duyên giả hợp mà có thì gọi là quyền trí. Nếu chiếu soi giả có này chính là “không” thì gọi là thật trí.

3. Sự phân định rõ về hai trí trong kinh Duy Ma: Nếu biết rõ bệnh và thuốc tĩnh lặng mà chiếu căn cơ của chúng sanh thì gọi là thật trí. Nếu phương tiện có thể đúng bệnh cho thuốc khiến được thực hành uống đây tức là phương tiện trí.

4. Sự nói rõ hai trí trong kinh Niết-bàn: Nếu thấu suốt tâm kim cương rồi trở lại pháp sanh tử vô thường, khổ và không thì gọi là phương tiện trí. Nếu chiếu thấy rõ pháp Niết-bàn là thường, lạc, ngã, tịnh tức là thật trí.

5. Nói rõ hai trí theo kinh Pháp Hoa: Nếu chiếu rõ ba cảnh của ba thừa thì gọi là phương tiện trí. Nếu chiếu rõ cảnh của bốn nhất thì gọi là thật trí.

Nói mười hai năm trước hai trí của hữu tướng là căn cứ vào thân và sơ mà luận. Trong Đại Phẩm nói rõ hai trí tức là chiếu rộng (hoành) hai đế lấy làm hai trí. Kinh Niết-bàn nói hai trí tức căn cứ vào chiếu dọc (tung) mà luận. Kinh Duy Ma nói hai trí là căn cứ vào bản mặt (đầu và cuối) mà nói. Biết bệnh, biết thuốc là đầu còn đúng bệnh cho thuốc là cuối. Nay Pháp Hoa nói hai trí tức căn cứ vào trước sau làm nghĩa. Trước (thỉ) là quyền trí thuyết ba thừa giáo còn sau tức là thật trí thuyết một thừa giáo.

Kinh có ba đoạn và đoạn thứ nhất đã nói rõ hoàn tất phần tựa thông và biệt. Từ đây trở xuống đến giữa phẩm “Phân biệt công đức” tức đoạn “Di-lặc nói kệ” và phần Văn Trường hàng Phật nói trở lại gồm có mười bốn phẩm rưỡi kinh là đoạn “chánh thuyết” thứ hai. Trong phần chánh thuyết này gồm có hai đoạn: Nói rõ nhân và biện rõ quả. Từ đây trở xuống đến phẩm “An lạc hạnh” có mười hai phẩm kinh là phần thứ nhất tức khai mở ba thừa và hiển thị nhất thừa nhằm nói rõ nghĩa của nhân Phần thứ hai từ phẩm “Đồng xuất” đến hết phần “Di-lặc nói

kệ” và Văn Trường hàng do Phật nói trở lại có hai phẩm rưỡi nêu lên việc khai mở gần mà hiển thị xa để nói rõ nghĩa của quả. Trước đã giải thích rõ hai đoạn nhân quả mỗi đoạn có bốn loại và chỉ trình bày bốn loại trong quả.

Nay nói rõ bốn thứ trong nhân: 1. Từ phẩm này, ban đầu nói một đoạn Văn Trường hàng cùng với kệ trở lại là lược nói khai mở ba thừa mà hiển thị một thừa để đánh động sự chấp mà sanh nghi; 2. “Bấy giờ, trong đại chúng có các Thanh-văn đã dứt hết hữu lậu và chứng A-la-hán “trở xuống là nói lên đại chúng lúc ấy có sự hoài nghi đã sanh đến thỉnh cầu Như Lai; 3. Từ “ông đã ân cần ba phen cầu xin” trở xuống đến hết phẩm Thọ học Vô học nhân ký có bảy phẩm rưỡi chính thức rộng nói việc khai mở ba thừa mà hiển thị một thừa để đoạn nghi sanh tín. Tới đây, tâm nghi của đại chúng đã loại trừ, đối với ba và một thừa đã sanh hiểu rõ. Nhân tiện nên dùng nghĩa nhất thừa này để lưu truyền cho người chưa nghe; 4. Từ “phẩm Pháp sư; phẩm Hiện bảo tháp, phẩm Trì, phẩm An lạc hạnh” gồm có bốn phẩm nói rõ nghĩa riêng lưu thông nhân.

Nay xét trong bốn đoạn thì đoạn thứ nhất và thứ hai mỗi đoạn có hai nghĩa quan trọng còn đoạn thứ ba và thứ tư mỗi đoạn có ba nghĩa riêng biệt.

Đoạn thứ nhất, căn cứ ở đánh động chấp mà sanh nghi gồm có hai phần: 1. Người kết tập kinh trình bày tướng của Phật xuất định thuyết pháp; 2. Phật khen ngợi hai trí quyền và thật mở ra ba thừa làm rõ nhất thừa. Ba đoạn sau đến thời sẽ nói tiếp.

“Các Phật Như Lai thường ở trong Tam muội đều thấy rõ cõi nước của các đức Phật không có hai tướng”. Nay sở dĩ nói “Phật an nhiên thứ thái xuất định mà nói” là để làm mô phạm cho đời. Bởi vì kẻ phàm phu vô trí khi nói ra một lời, tâm thường vội vã, khinh xuất tán loạn mà nói. Nay Như Lai chuẩn bị thuyết pháp nên trước hết thị hiện nhập định quán lý là chỉ cho hàng phàm phu có muốn nói điều gì, trước phải tĩnh tâm nghĩ kỹ sau mới khởi ý diễn bày chi tiết. Vì nghĩa này cho nên nói “Xuất định mà nói”.

Lại dựa theo phần thứ hai khen ngợi hai trí quyền và thật tự có hai đoạn: 1. “Trí tuệ của chư Phật sâu xa vô lượng” trở xuống đến mười bảy hàng rưỡi kệ trở lại là nêu lên nhân khen ngợi hai trí phảng phất như khai tông; 2. “Xá-lợi-phất phải biết, lời nói của chư Phật không khác” trở xuống gồm có ba hàng rưỡi kệ nêu lên sự phân biệt lược nói khai mở ba thừa mà hiển thị nghĩa nhất thừa. Sở dĩ nói nhân khen ngợi

hai trí phảng phất như khai mở tôn chỉ là vì nay nói trái với giáo thường nhật, xưa nói hành riêng biệt của ba thừa mỗi thừa đều có chỗ hướng đến. Nói Thanh-văn khác, Duyên-giác khác và Bồ-tát khác tức là nói ba thừa không có sự hổ tương thông suốt lẫn nhau mà nay nói hành ba thừa đồng là một nhân bình đẳng là Bồ-tát, đều đồng chứng đắc quả Phật. Nếu khiến lập tức nói rõ lý thật của một thừa không có giáo ba thừa thì người chấp vào ba thừa dễ sanh tâm huỷ báng cho nên không thể lập tức nói rõ, mà phải dần dần nói ra làm nguyên do sanh động tình chấp. Do vậy, mới có phảng phất như khai mở tôn chỉ thẳng thắn buông lời nói: “Như Lai có phương tiện trí khó hiểu, lại có trí chơn thật sâu xa”. Khi ấy, đại chúng đã nghe có sự thật trí sâu xa và phương tiện trí khó hiểu nên cùng sanh nghi ngờ rằng: Phật xưa nói giáo ba thừa đều là chơn thật mà nay nói có thật và có phương tiện”. Lúc ấy tâm chấp của đại chúng dần dần chuyển động cho nên ba hàng rười kệ của phần kế tiếp đã phân minh nói tóm lược: “Pháp của Thế Tôn về lâu sau chủ yếu sẽ nói chơn thật”. Lại nói Phật dùng lực phương tiện khai mở ba thừa giáo khiến chúng sanh chấp trước được giải thoát”. Tức là đã phân minh lược nói nghĩa nhất thừa trong ba thừa. Bấy giờ, đại chúng nghi ý chơn thật mà sanh tình chấp vào ba thừa. Bởi vì nghĩa này, nên nói “phảng phất khai mở tôn chỉ”.

Lại nữa, trong hai đoạn, mỗi đoạn mở ra làm hai phần. Trong đoạn phảng phất khai mở tôn chỉ có hai phần tức là phần Văn Trường hàng và kệ tụng. Đoạn ba hàng rười kệ sau cùng phân minh lược nói có hai phần: 1. Một hàng rười kệ dựa vào chư Phật để hiển thị nhất thừa; 2. Hai hàng kệ căn cứ ở Phật Thích Ca để khai mở ba thừa. Lại tạm gác qua phần kệ, chỉ xét trong phần Văn Trường hàng tự có hai đoạn:

- Từ đầu phẩm đến hết “thành tựu tất cả pháp chưa từng có” trở lại là dựa vào nói để khen ngợi hai trí.

- Từ “Xá-lợi-phất! Như Lai có khả năng phân biệt nhiều thứ để khéo nói lên các pháp” trở xuống đến phần Văn Trường hàng là dựa vào tuyệt dứt ngôn từ để khen ngợi hai trí, không phải tuyệt dứt bốn câu nên gọi là “tuyệt ngôn”. Mà vì dưới không hiểu kịp trên cho nên gọi là “tuyệt ngôn”, cũng là tạm ngưng nói lời khen ngợi.

Lại trong hai đoạn này mỗi đoạn có hai phần. Đoạn dựa vào nói khen ngợi hai trí có hai phần: 1. Muốn khen ngợi hai trí của Thích Ca nên trước dựa vào nói khen ngợi hai trí của chư Phật; 2. Dựa vào nói chính khen ngợi hai trí của Thích Ca. Sở dĩ như vậy là muốn so sánh để giải thích. Chư Phật cũng có thật trí và phương tiện trí tức trước nói ba

thừa, sau nói một thừa hưởng gì Thích Ca cũng có thật trí và phương tiện trí tức trước nói ba thừa và sau nói một thừa. Bàn về phương tiện trí tức nói ba thừa giáo. Nói thật trí tức là nói nhất thừa giáo.

Trong hai phần này, mỗi phần có ba văn. Nay căn cứ phần khen ngợi hai trí của chư Phật gồm có ba văn trùng lặp: 1. Đích thực cùng khen ngợi hai trí; 2. Tổng quát giải thích hai trí; 3. Cùng tổng kết.

Sở dĩ nói rõ trong nhân là đối với hàng Thanh-văn, còn nói rõ trong quả là đối với hàng Bồ-tát, mà không thể bảo Thanh-văn. Sở dĩ thiên về hai người là vì đều căn cứ vào duyên mà bàn luận. Trong hàng Thanh-văn, Xá-lợi-phất là người thông minh bậc nhất; còn trong hàng Bồ-tát, Di-lặc là bậc Đại sĩ Bồ xứ. Do đó mà thiên trọng về hai người để hiển bày các vị bên dưới.

Văn đầu đích thực cùng khen ngợi hai trí là trước tiên khen ngợi thật trí và sau khen ngợi phương tiện trí. Trong khen ngợi thật trí tự có hai câu. Một câu đầu “trí tuệ của chư Phật” là muốn khen ngợi cho nên trước tiên nêu lên thật trí. Một câu “sâu xa vô lượng” chính là khen ngợi thật trí. Sở dĩ nói “sâu xa vô lượng” là luận trên hai phương diện tung, hoành (không gian, thời gian) đều rất sâu, rộng. Ba đời chư Phật đều có thật trí này cho nên nói rất sâu xa. Thật trí này bao trùm cả mười phương chư Phật cho nên nói là vô lượng. Nhìn thăm thăm mênh mông cho nên nói là sâu xa và không thể biết bờ mé nên nói vô lượng. Đây chính là sự khen ngợi thật trí. “Môn trí tuệ ấy rất khó hiểu và khó nhập vào”. Chính là khen ngợi phương tiện trí. Trong đây có ba ý: “Môn trí tuệ ấy” là một câu trước hết nêu lên thể của quyền trí. “Khó hiểu, khó vào” là một câu nêu lên sự khen ngợi. “Tất cả Thanh-văn trở xuống” là nêu lên người không thể biết. Phương tiện trí là môn của nhà thật trí. Do nhờ vào phương tiện trí nói ba thừa giáo cho nên thật trí mới được thông suốt. Lấy gì để biết được điều đó? Trước hết nói ba thừa giáo và sau đó nói một thừa giáo sẽ được thích nghi. Như tức thời lập nên cửa thông suốt cả sự ra vào của Phật để làm Phật môn (cửa Phật). “Không khác” là do phương tiện trí cho nên thật trí được thông suốt. Do vậy, nói phương tiện trí duy trì và tạo ra cửa nhà của thật trí. Nay nói trí tuệ ấy là chỉ cho thật trí tức cửa nhà của thật trí. “Trí nào” tức là chỉ cho phương tiện. Nói “khó hiểu, khó vào” là phần thứ hai tức khen ngợi phương tiện trí. Nói “khó hiểu, khó vào” là chỉ cho hàng nhị thừa không thể hiểu được phương tiện trí này, cho nên mới nói “khó hiểu khó vào”. Sở dĩ không thể tạo tác, không thể hiểu, không thể nhập vào là vì trí này chỉ có Phật mới hiểu và nhập vào. Tuy nhiên lý này rất sâu xa vi diệu khó

có thể hiểu được. Ai không thể hiểu và không thể nhập vào? Để trả lời câu hỏi này nên phải nêu lên ý thứ ba để chỉ rõ hạng người ấy như sau: Tất cả Thanh-văn và Bích chi Phật đều thuộc hàng nhị thừa nên không thể hiểu và không thể nhập vào.

“Vì sao?” Trở xuống là văn thứ hai tức tổng quát giải thích hai trí của chư Phật. Đây là nêu lên hạnh của chư Phật thuở xưa để giải thích hai trí. Tại sao nói “trí tuệ của chư Phật sâu xa vô lượng?” tại sao lại nói “môn trí tuệ ấy khó hiểu khó nhập vào?” Vì Phật đã từng gần gũi thực hành rốt ráo trăm ngàn vạn ức hạnh của chư Phật xưa kia nên đạt được sự sâu xa và vi diệu của hai trí này. Trong văn giải thích này gồm có ba ý: 1. “Phật đã từng gần gũi” trở xuống là nói rõ hành từ xa xưa; 2. “Hành rốt ráo ở chư Phật” trở xuống là nói rõ sự thực hành công hạnh; 3. “Danh tốt vang khắp” là một câu kết hiển bày.

Trong văn thứ ba cùng tổng kết hai trí của chư Phật gồm có hai ý: 1. “Thành tựu pháp sâu xa chưa từng có” là tổng kết thật trí ở trên tức nói “trí tuệ của chư Phật sâu xa vô lượng”; 2. “Tùy nghi mà nói ý thú khó hiểu” là tổng kết phương tiện trí ở trên tức nói “môn trí tuệ ấy khó hiểu, khó nhập vào”. Sở dĩ nói tùy nghi là vì phương tiện trí này có khả năng tùy căn cơ chúng sanh mà tuyên nói pháp. Đối với hàng Thanh-văn thì nói pháp tứ đế: Khổ, tập, diệt, đạo. Đối với hàng Duyên-giác thì nói pháp mười hai nhân duyên. Đối với hàng Bồ-tát thì nói pháp lục độ. Do các yếu tố ấy nên nói là tùy nghi.

“Xá-lợi-phất, ta từ thành Phật đến nay” trở xuống là dựa vào nói khen ngợi hai trí tức khen ngợi hai trí quyền và thật của Phật Thích Ca. Căn cứ trong đây cũng có ba phần: 1. Riêng khen ngợi phương tiện trí của Phật Thích Ca; 2. Riêng khen ngợi thật trí; 3. Riêng tổng kết thật trí.

Trong phần thứ nhất có hai văn: 1. Khen ngợi phương tiện trí; 2. “vì sao?” trở xuống là văn giải thích.

Trong văn khen ngợi gồm có ba ý: 1. “Xá-lợi-phất, ta từ thành Phật đến nay” là nói rõ thời gian của quyền trí; 2. “Nhiều thứ nhân duyên” trở xuống là khen ngợi quyền trí; 3. “Dẫn đường cho chúng sanh” trở xuống là tổng kết sự hiển thị. Nay nói ý thứ hai “khen ngợi quyền trí” tức nói đến những hành động của quyền trí. “Nhiều thứ nhân duyên” là nêu lên các pháp thuộc quyền trí của Thích Ca đã nói. Như Thanh-văn quán pháp tứ đế làm nhân duyên, Duyên-giác quán pháp mười hai nhân duyên làm nhân duyên, Bồ-tát quán pháp lục độ làm nhân duyên cho nên nói “nhiều loại nhân duyên”. “Lại nói nhiều thứ trí

đụ” nghĩa là thí dụ khi ba thừa hành nhân: Thanh-văn như thỏ, Duyên-giác như ngựa, Bồ-tát như voi. Nếu thí dụ về ba thừa đạt được quả vị thì nói Thanh-văn giống như xe dê, Duyên-giác giống như xe hươu, Bồ-tát giống như xe trâu cho nên mới nói “Nhiều thứ thí dụ”. “Rộng nói giáo với vô số phương tiện” nghĩa là không chỉ thuyết pháp mà còn đời nơi, đời thời nhiều thứ bất đồng ch nên mới nói “rộng diễn nói giáo với vô số phương tiện”.

“Vì sao?” Trở xuống là văn thứ hai giải thích “riêng khen ngợi phương tiện trí của Thích Ca”. Nói “tại sao Thích Ca có phương tiện trí này có thể tạo ra các nhân duyên thí dụ” tức là nói do phương tiện trí kiến Ba-la-mật của Như Lai đều đã đầy đủ. Ba-la-mật là phiên âm theo tiếng Ấn Độ. Trung Hoa dịch là “đáo bỉ ngạn” nghĩa là “đến bờ kia” (Niết-bàn). Do trí tuệ của Như Lai thấu suốt căn cơ của chúng sanh có thể đạt đến Niết-bàn cho nên mới có phương tiện trí khéo léo này.

“Xá-lợi-phất, Như Lai thấy biết (tri kiến) rộng lớn sâu xa” là phần thứ hai “riêng khen ngợi thật trí của Phật Thích Ca”. Phần này gồm có hai văn:

1. Rộng lớn và sâu xa được phân làm hai chương môn. Do mắt nhìn bao trùm tất cả nên gọi là rộng; còn siêu vượt lên khỏi tầm nhìn của ba thừa nên gọi là lớn. Do tầm nhìn thông suốt hết tất cả không có giới hạn nên gọi là sâu và nhân hành thuộc tầm nhìn lâu xa nên gọi là xa.

2. Nói “vô lượng vô ngại” trở xuống tức là giải thích hai chương môn trên. Trước hết giải thích sự rộng lớn bao gồm có sáu câu. Sau đó, giải thích sự sâu xa gồm có một câu. Nói “vô lượng vô ngại” nghĩa là xưa kia nói Như Lai chỉ có bốn thứ vô ngại nhưng nay nói có vô lượng vô ngại, xưa kia nói Như Lai chỉ có mười thứ thần lực nhưng nay có vô lượng thần lực, xưa kia nói Như Lai chỉ có bốn thứ vô úy nhưng nay có vô lượng thứ vô úy, xưa kia nói Như Lai chỉ có tám thứ thiền định nhưng nay có vô lượng thiền định; xưa kia nói Như Lai chỉ có tám thứ giải thoát nhưng nay nói có vô lượng giải thoát; xưa kia nói Như Lai chỉ có ba thứ Tam muội nhưng nay nói có vô lượng Tam muội. Trước nói một chi tiết “vô lượng” là tổng quát sáu pháp ở trên. Nếu chỉ thời trước cũng nên có câu hỏi “tại sao như vậy”. Sở dĩ Như Lai có thật trí sâu xa, rộng lớn là “Vì sao có vô lượng vô ngại cho đến ba thứ Tam muội v. v...”. Nhưng sáu loại pháp này giải thích thật trí ở trên, bao hàm trong câu “rộng lớn”. Một câu “nhập sâu không có giới hạn” giải thích thật trí ở trên lại bao hàm trong câu “sâu xa”.

“Thành tựu tất cả pháp chưa từng có” là phần thứ ba riêng tổng kết thật trí của Phật Thích Ca”. Đây chính là tổng kết câu “sự thấy biết sâu xa rộng lớn của Như Lai” ở trên. Nếu đem giản lược so sánh hai trí của chư Phật và Phật Thích Ca thì có bốn thứ bất đồng: 1. Các đức Phật ở trên thì đồng loạt khen ngợi hai trí ấy còn đức Thích Ca thì khen ngợi riêng hai trí ấy; 2. Các đức Phật ở trên thì trước khen ngợi thật trí và sau khen ngợi phương tiện trí còn đức Thích Ca thì trước khen ngợi phương tiện trí và sau khen ngợi thật trí; 3. Các đức Phật ở trên trước nêu lên nhân quả khứ để giải thích hai trí còn đức Thích Ca thì nêu lên các công đức của quả để giải thích hai trí; 4. Các đức Phật ở trên cùng tổng kết hai trí còn đức Thích Ca thì tổng kết riêng thật trí.

Tại sao như vậy?

Đáp: Nói như vậy chẳng phải là không có duyên do. Sở dĩ các đức Phật cùng khen ngợi hai trí còn Thích Ca không như vậy mà khen ngợi riêng hai trí là muốn hiển bày thể chỉ có một. Cùng khen ngợi hai trí của chư Phật là nói rõ thể tuy là một nhưng công dụng thì khác cho nên nói “riêng khen ngợi hai trí của Thích Ca”. Đây là hổ tương mà nêu lên một phía. Lại nói “chư Phật trước hết được khen ngợi thật trí và sau khen ngợi phương tiện trí còn Phật Thích Ca trước khen ngợi phương tiện trí và sau khen ngợi thật trí nghĩa là: Đối với chư Phật trước khen ngợi thật trí và sau là phương tiện trí, là muốn nói lên thứ tự có gốc có ngọn. Tại sao? Vì có bắt đầu cho nên có cuối cùng. “Thích Ca trước khen ngợi phương tiện và sau khen ngợi thật trí” chính là nói rõ sự giáo hóa thứ tự. Sở dĩ có gốc, ngọn lẫn lộn trước sau là muốn nói kia và đây, riêng nêu lên một phía nhằm cùng biện rõ một lý. Lại nói “Chư Phật nêu lên nhân quả khứ để giải thích hai trí còn Thích Ca nêu lên các công đức của quả đầu”, có nghĩa như sau: “Chư Phật nêu lên nhân quả khứ để giải thích hai trí” là nói rõ nhân thù thắng thì chiêu cảm quả đầy đủ. Và “Thích Ca nêu lên các công đức của quả đầu để giải thích hai trí” là nói rõ quả viên mãn ắt phải đáp trả nhân thù thắng, đây cũng là hổ tương nêu lên một bên. Lại nói “Chư Phật cùng tổng kết hai trí còn Thích Ca riêng tổng kết thật trí là muốn nói rõ nghĩa hưng phế. Nói về hai trí của chư Phật tức là lúc hưng khởi nên cùng tổng kết hai trí. Ngày nay đức Thích Ca chính là lúc phế bỏ quyền trí để hiển thị thật trí. Vì là phế bỏ quyền trí, nên không tổng kết quyền trí và vì hiển bày thật trí, nên riêng tổng kết thật trí. Lại giải thích “Chư Phật ở trên cùng tổng kết hai trí” là muốn nói rõ hai trí này chỉ là một thể chiếu soi ba cảnh của ba thừa. Nay nói đức Thích Ca “riêng kết luận thật trí” tức trình bày công

dụng có hơn kém, cũng chính muốn nói lên hoài bão của Thánh nhân. Vì khi đã hiểu rõ hai trí rồi, thì đâu có hơn và kém, chẳng qua tùy theo sự mà nói như thế.

“Xá-lợi-phất, Như Lai có nhiều loại phân biệt” trở xuống là phần thứ hai lớn của Văn Trường hàng: “Dựa vào tuyệt dứt ngôn từ (nói năng)”, để khen ngợi hai trí. Có người hỏi: “Tuy còn dựa vào ngôn từ để khen ngợi hai trí nhưng nói rõ hai trí này chẳng phải là gần đến sự xét suy, lời nói vụng về có thể nói hết, nên tạm ngưng xưng lên điều này, vì thế văn dưới nói “chỉ có, Phật cùng chư Phật mới có thể biết được hai trí này, chẳng phải hàng Thánh Tiểu thừa có thể hiểu kịp. Dựa vào tuyệt dứt nói năng này cũng là nguyên do khiến đại chúng sanh nghi, kích động tình chấp. Đại chúng khi ấy sẽ nghĩ rằng: “Như Lai cố gì xuất định mà tự khen ngợi sự sâu xa của hai trí rồi thôi là có nguyên do gì?”. Do vậy nói khen ngợi phương tiện trí là nguyên do kích động tình chấp; và khen ngợi thật trí là nguyên do sanh khởi tâm nghi”.

Hỏi: Ông đã nói tuyệt dứt nói năng thì cứ gì lại do khen ngợi?

Đáp: Nếu im lặng thì khi ấy không có “tuyệt dứt nói năng” và làm sao đại chúng biết được hai trí phải tuyệt dứt nói năng! Trong phần tuyệt dứt nói năng để khen ngợi này có ba văn: 1. Trước hết nêu ra chỗ tuyệt dứt của pháp tức là hai trí; 2. Chính là nêu rõ tuyệt dứt ngôn từ để khen ngợi; 3. Từ “tại sao như vậy” chính là giải thích ý tuyệt dứt ngôn từ. Nay nói văn thứ nhất tức trước hết nêu lên quyền trí và sau nói thật trí. Từ “Xá-lợi-phất, Như Lai có nhiều thứ phân biệt” trở xuống gồm bốn câu dưới nghĩa là đối với ba cảnh của ba thừa biến khắp thành tựu cho nên nói rõ sự hoạt động của quyền trí. Đây cũng chính nói rõ Như Lai có khả năng thuyết giáo nhân duyên cho Thanh-văn, Duyên-giác và Bồ-tát nên mới nói “nhiều thứ phân biệt”. “Khéo nói các pháp” là nói rõ phương tiện trí của Như Lai khéo nói pháp một thừa mà tạo ra các pháp của ba thừa. Do đó văn kinh dưới nói “ở trong một Phật thừa mà phân biệt nói thành ba” cho nên nói “khéo thuyết”. Do thuở xưa chỉ nói ba thừa giáo để hóa độ chúng sanh cho nên mới dùng “ngôn từ nhu nhuyễn để làm đẹp lòng đại chúng”.

“Xá-lợi-phất! Tóm tắt phần cốt yếu nói” trở xuống đến “hết thủy chư Phật đều trọn nên”. Đây là dựa trong cảnh bốn nhất, chỉ căn cứ ở lý nhất mà nêu ra thật trí. Nếu tóm tắt phần cốt yếu nói mà luận bàn, thì thật trí ở ngày nay là phần cốt yếu. Làm sao biết được? Vì ngày nay là lúc hiển bày thật trí mà phớt bỏ quyền trí.

“Thôi Xá-lợi-phất không nên nói nữa” gồm một câu là văn thứ

hai nói rõ tuyệt dứt ngôn từ để khen ngợi. “Vì sao như vậy” trở xuống đến Văn Trường hàng là giải thích ý vì sao tuyệt dứt ngôn từ. Chỉ vì nói hai trí này cho bậc thượng căn và cảnh trí sâu xa cho nên gọi là “tuyệt dứt ngôn từ”. Do đó, phần thứ ba giải thích ý tuyệt dứt ngôn từ này” gồm có hai ý: 1. Nêu lên bậc thượng căn tức là người chứng đắc trí; 2. Cảnh sở duyên sâu xa. Nay nói “Vì sao như vậy” đến hết “khả năng thông suốt tất cả” là nêu lên bậc thượng căn để giải thích nguyên do tuyệt dứt ngôn từ.

“Thôi Xá-lợi-phất, không nên nói nữa” tức là không nói đến hai trí quyền và thật. Tại sao? Vì chỉ có chư Phật mới có khả năng biết rõ hai trí này căn cứ trong phần nêu ra bậc thượng căn gồm có hai sự thành tựu của Phật: 1. Trước hết nêu lên hai trí là pháp hy hữu khó hiểu. “Chỉ có Phật cùng Phật” trở xuống chính là nói rõ bậc thượng căn thượng trí tức chỉ cho Phật; 2. “Thật tướng của các pháp” trở xuống là giải thích ý tuyệt dứt ngôn từ. Nêu lên cảnh sâu xa cho nên tuyệt dứt ngôn từ. Chẳng phải là bậc thượng căn thượng trí cho nên hai trí vi diệu không thể nói mà cũng là cảnh sâu xa của hai trí đã chiếu nên tuyệt dứt ngôn từ.

Lại căn cứ trong cảnh sâu xa của hai trí đã chiếu này gồm có ba ý: 1. Cùng mở ra hai chương môn; 2. Cùng giải thích hai chương môn; 3. Cùng tổng kết hai chương môn. Cùng mở ra hai chương môn nghĩa là: Hai chữ “các pháp” này tức là mở ra chương môn về cảnh của phương tiện trí đã chiếu soi. Hai chữ “thật tướng” là mở ra chương môn về cảnh của thật trí đã chiếu soi. Nhưng cảnh của quyền trí chiếu soi gồm có ba cảnh trong ba thừa và nay chỉ chọn chiếu soi ba giáo. Cảnh của thật trí chiếu soi là cảnh của bốn nhất nay chỉ chọn chiếu soi cảnh lý nhất. Lại giải thích rằng: Trong ba cảnh của ba thừa được quyền trí chiếu chủ yếu là cảnh ba giáo, muốn tiến tới tu hành lại phải cần ngôn giáo mới được vào đạo. Cho nên nói “các pháp”. Vả lại giáo của ba thừa không phải là một, cho nên nói “các pháp”. “Thật tướng” là cảnh Lý nhất trong bốn nhất v.v... và trong bốn cảnh nhất thì lý nhất là quan trọng nhất, cho nên nhắm đến để chiếu. Tuy nhiên, nhắm đến chiếu soi ba giáo tức là nghĩa mở ra cửa phương tiện; nhắm đến chiếu soi vào lý nhất tức là chỉ rõ nghĩa tướng chơn thật. Làm sao biết được? Vì ở phần giải thích bên dưới nêu lên nhân quả để giải thích điều đó. Nên biết nhân quả chỉ là Lý nhất (một).

“Nói các pháp” trở xuống là cùng giải thích hai chương môn trên. Phần văn này có chín câu. Ban đầu có năm câu giải thích chương môn

“các pháp” ở trên. Kế đến “nhân như vậy, duyên như vậy” trở xuống có bốn câu giải thích chương môn “thật tướng” ở trên. “Tướng như vậy” là biểu hiện nghĩa khác biệt nếu quan sát kỹ ba thừa giáo thì đều có tướng khác nhau. Giáo của Thanh-văn khác, giáo của Duyên-giác khác, giáo của Bồ-tát khác cho nên nó “tướng như vậy”. “Tánh như vậy” thì tánh là nghĩa không thay đổi. Vì xưa kia giáo của Thanh-văn không thể cải đổi thành giáo của Duyên-giác; giáo của Duyên-giác không thể cải đổi thành giáo của Bồ-tát cho nên nói “tánh như vậy”. “Thể như vậy” tức nghĩa thể riêng biệt. Hành của Thanh-văn tự mình lấy giáo tứ đế làm thể tức do gặp khổ mà sanh ra nhằm chán lão, bệnh, tử; Duyên-giác lấy giáo lý mười hai nhân duyên làm thể; Bồ-tát lấy sáu pháp lục độ làm thể cho nên nói “thể như vậy”. “Lực như vậy” nghĩa là giáo của Thanh-văn tạo ra lực duyên để đoạn trừ các kiết sử, chính giáo của Duyên-giác tạo ra lực duyên để tiến dần đến đoạn trừ các tập khí, giáo của Bồ-tát tạo ra lực duyên để đoạn trừ hết tập khí mà thành Phật cho nên nói “lực như vậy”. “Tạo tác như vậy” theo Luận chủ nói, khởi tạo tác là hành tướng. Do đó biết tạo tác chỉ là nghĩa của hành động. Nói rõ trong ba thừa giáo này cũng có nghĩa hành. Hành của Thanh-văn có chỗ tạo tác cho đến hành hạnh Bồ-tát cũng có chỗ tạo tác. Năm câu này đều là giải thích chương môn “các pháp” ở trên tức gọi là cảnh của quyền trí. “Nhân như vậy” trở xuống gồm có bốn câu giải thích chương môn “thật tướng” ở trên tức là cảnh của thật trí chiếu soi. Sở dĩ biết như vậy là vì kệ dưới tụng nói “quả báo lớn như vậy”. “Nhân như vậy” là vì lấy sự chiêu cảm quả làm nghĩa. “Duyên như vậy” thì duyên là do nghĩa “vạn thiện có khả năng chiêu cảm quả tức là nghĩa nhân. Quả này do vạn thiện mà đạt được tức là nghĩa duyên. “Quả như vậy” tức quả lấy sự đối lại với nhân làm nghĩa, còn “báo” lấy sự đáp trả làm nghĩa. Chỉ là một quả nên đối với nhân gọi là quả. Quả này còn có nghĩa lực, nhân, báo trả tức thành nghĩa “báo ứng”. Bốn câu này chính là giải thích chương môn “thật tướng” ở trên.

“Ban đầu và cuối cùng như vậy” trở xuống là phần thứ ba “cùng tổng kết hai chương môn”. Nay nói “đầu và cuối như vậy” tức tổng kết cảnh của quyền trí. “Ban đầu” tức nêu lên “tướng như vậy” ở đầu; “cuối” là nêu lên “tạo tác như vậy” ở rốt sau. “Cứu cánh v.v...”. Là một nhân và một quả. “Cứu cánh v.v...” Là tổng kết chương môn về cảnh của thật trí. Lại còn hiểu nghĩa nhân duyên thì có người giải thích rằng: “Nhân là gần, duyên là xa. Sở dĩ nói nhân gần là vì quả này đầu tiên không có nhưng nay có nên mang nghĩa gần gửi. Tại sao có thể khiến

cho xưa không mà nay có? Lại nữa, có nghĩa xa là chỉ cho phần đồng với quả này, như hai đầu, ba tay không thể sanh nhưng trong đạo lý có thể có nghĩa sanh. Nếu ông nói trong đạo lý không thể sanh nhưng lực nhân có thể khiến cho hai đầu, ba tay có thể sanh. Vậy cố gì lực nhân không khiến điều ấy sanh ra? Nếu lực nhân không thể khiến không có thể sanh nhưng được sanh thì có thể gọi nhân là gần gũi, quả đã có nghĩa “có thể sanh” nên nhân đối với quả trở thành nghĩa xa lạ. Quả này xưa không có mà nay có thì nhân này đối với quả thành ra nghĩa gần gũi; quả có lý “có thể sanh” thì nhân này đối với quả tức thành nghĩa xa lạ”. Nay pháp sư Quang Trạch giải thích không theo nghĩa gần gũi và xa lạ (thân và sơ) chính là nêu lên “nói nhân là đối với quả mà có nghĩa: duyên là chỉ cho nguyên do nhờ vả làm nghĩa”. Nếu căn cứ vào vạn hạnh so chiếu với quả thì có nghĩa đối lại với quả tức là nhân. Nếu căn cứ vào quả nhìn về vạn hạnh thì quả này do nơi vạn hạnh mà được nên đối với quả tức là nghĩa của duyên.

